

Bản án số: 161/2023/HC-PT
Ngày: 23 - 5 - 2023
V/v “*Khiếu kiện QĐHC
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường
Ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 181/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 48/2022/HC-ST ngày 13/6/2022 và 13/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2089/2023/QĐ- PT ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1- Người khởi kiện: (có 25 người, gọi chung là : 25 người khởi kiện)

1. Ông Đinh Văn H, sinh năm 1956; *Người đại diện theo uỷ quyền:* Bà Lê Thị L; có mặt.

2. Ông Trần Công H1, sinh năm 1958; có mặt.

3. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1945 (chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà N gồm có:

+ Ông Vũ Đình P, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn 1 xã Đ, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

+ Ông Vũ Đình C (chết); người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C: anh Vũ Đình Bình M và anh Vũ Đình P1; địa chỉ: thôn 3 xã Đ, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

+ Ông Vũ Đình K, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn 3 xã Đ, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

+ Ông Vũ Đình Tr, sinh năm 1977; thôn 3 xã Đ, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

+ Ông Vũ Đình N1, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn 2A xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

+ Bà Vũ Thị M, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn P2, xã E1, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Vũ Đình T1, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn 1 xã Đ, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

4. Ông Lưu Tuấn G, sinh năm 1960; có mặt.

5. Ông Vũ Tiến D1, sinh năm 1946; *Người đại diện theo uỷ quyền:* Bà Trần Thị Th;

6. Ông Hoàng Văn Th1, sinh năm 1953;

7. Ông Lê Xuân Th2, sinh năm 1950; có mặt.

8. Ông Tô Văn H2, sinh năm 1961; có mặt.

9. Ông Vũ Đức T2, sinh năm 1972; có mặt

10. Bà Vũ Thị N2, sinh năm 1969; có mặt

11. Bà Ngô Thị Q, sinh năm 1965; vắng mặt.

12. Ông Vũ Khắc T3, sinh năm 1980; có mặt

13. Ông Tô Văn A1, sinh năm 1969; có mặt

14. Bà Vũ Thị Th3, sinh năm 1975; có mặt

15. Bà Vũ Thị H4, sinh năm 1968; có mặt

16. Bà Vũ Thị G, sinh năm 1975; có mặt

17. Ông Vũ Đức Đ1, sinh năm 1977; vắng mặt.

18. Bà Vũ Thị T4, sinh năm 1970; có mặt

19. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1970; có mặt

20. Ông Phạm Văn Đ2, sinh năm 1970; có mặt

21. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1980; có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 2A, xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk;

22. Bà Dương Thị H5, sinh năm 1966; vắng mặt.

23. Ông Nguyễn Duy S1, sinh năm 1966; vắng mặt.

24. Bà Trần Thị H6, sinh năm 1970; có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 14A, xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk;

25. Ông Phạm Xuân Nh, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn 13, xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: bà Hoàng Thị N3, bà Thái Thị Tố U, ông Lê Giang N4 - Luật sư thuộc văn phòng Luật sư A2, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2 - Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 09 đường L, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà H7 – Phó chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt. (Văn bản uỷ quyền số 9787/GUQ-UBND ngày 11-11-2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Nguyễn Văn H8 – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Phan Khắc H9 – Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi nhánh Tổng công ty Cà phê Việt Nam – Công ty TNHH MTV Công ty cà phê Y;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Phan Đăng K3 - Phó giám đốc; địa chỉ: xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn N5 – Chủ tịch UBND xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Toàn bộ 25 Người khởi kiện cùng đứng tên chung đơn kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt theo trình bày của các bên đương sự như sau:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, 25 người khởi kiện trình bày cùng nội dung:

Từ các năm 1981 đến 1986, những người khởi kiện vào làm việc tại Đội 2 – Nông trường Y (nay là Công ty TNHH MTV công ty cà phê Y – Gọi tắt là Công ty Y). Thời điểm đó kinh tế khó khăn nên những hộ dân tiến hành khai hoang rừng khọc già, đá sỏi không ai quản lý, sử dụng ở vùng lân cận của Nông trường Y (Khai hoang khoảng 07 ha).

Năm 1992, do hạn hán kéo dài nên Đội 2 đã xin Công ty đắp đập trên các mảnh đất khai hoang của những Người khởi kiện, việc làm này của Công ty Y không có thỏa thuận và cũng không đền bù cho những Người khởi kiện. Vì thời điểm đó một số người khởi kiện là công nhân của Công ty Y nên Công ty đã áp đặt như vậy.

Năm 1997-1998, nhu cầu trữ nước cho tưới tiêu tăng, Nông trường Y có thỏa thuận với một số hộ dân ở tại Thôn 13 đổi khoảng 6ha đất khai hoang của họ giáp khu đất khai hoang của những Người khởi kiện để mở rộng khu vực trữ nước, còn 7ha của Người khởi kiện không có thỏa thuận gì. Mùa mưa các hộ dân vẫn trồng lúa và thu hoạch.

Năm 2020, Chi nhánh Tổng công ty cà phê Việt Nam – Công ty TNHH MTV – Công ty cà phê Y đã đưa người cùng máy móc vào khu vực canh tác của những Người khởi kiện để phá đập, san ủi để tách thửa bán cho công nhân Đội 2; không đồng ý nên chúng tôi ngăn cản. Trong quá trình giải quyết tranh chấp thì Công ty Y đã đưa ra các văn bản bao gồm Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 22/02/2013; các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 925720, BE 925723; BE 925769 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/6/2013 cho Công ty.

Do không đồng ý, nên những người khởi kiện đã làm đơn khiếu nại, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Công văn số 8189/UBND-NNMT ngày 14/9/2020 về việc trả lời đơn cho các hộ dân. Do không đồng ý nên những người khởi kiện đã làm đơn khởi kiện yêu cầu:

Hủy một phần Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 925723 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/6/2013 đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 25 diện tích 35.979m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 925769 do

UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/6/2013 đối với thửa đất số 266, tờ bản đồ số 18 diện tích 15.765m².

Ngày 11/5/2022 người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu:

- Hủy một phần quyết định số 2840/QĐ-UB ngày 28/11/1998 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty cà phê Y năm 1998 thuộc phần diện tích đất chồng lấn lên diện tích đất khai hoang của những người khởi kiện. Đồng thời điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M907268 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty cà phê Y vào năm 1998 đối với phần diện tích đất chồng lấn lên diện tích đất người khởi kiện đã khai hoang.

- *Người bị kiện trình bày nội dung:*

Diện tích đất liên quan đến nội dung khởi kiện nêu trên của các hộ dân tại hồ Đội 2 (hồ C2), xã E, huyện K1 nằm trong tổng diện tích 3.730ha đất do Công ty cà phê Y quản lý (trước đây là Nông trường quốc doanh 719), được thể hiện trong Luận chứng kinh tế kỹ thuật của Nông trường quốc doanh 719, xét duyệt vào tháng 7 năm 1982. Năm 1998, Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số 2840/QĐ-UB ngày 28/11/1998 trong đó, diện tích đất hồ C2 là 136.830m² thuộc tờ bản đồ số 16, xã E, huyện K1. Đến năm 2013, sau khi rà soát đất đai (theo Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 15/12/2005 của UBND tỉnh), Công ty được UBND tỉnh cho thuê 1.555,8 ha đất tại Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 22/02/2013, trong đó diện tích đất hồ C2 là 14,07 ha, gồm: đất thủy lợi là 6,36 ha; đất lúa là 7,71 ha. Diện tích đất hiện nay mà những người khởi kiện đang khởi kiện đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty cà phê Y vào ngày 26/6/2013 để sử dụng vào mục đích đất thủy lợi là 6,36ha. Gồm: Giấy chứng nhận số BE 925720 thửa đất số 192, tờ bản đồ số 25, diện tích 11.918m²; số BE 925723 thửa đất số 183, tờ bản đồ số 25, diện tích 35.979m², số BE 925769 thửa đất số 266, tờ bản đồ số 18, diện tích 15.765 m².

Trước thời điểm đắp đập hồ C2 (trước năm 1992), khu vực đất mà 25 người khởi kiện có một phần diện tích là còn đá, lầy thụt không sử dụng được, số diện tích còn lại Nông trường giao khoán cho công nhân (giao khoán nộp sản hàng năm) để sản xuất lúa. Sau khi Nông trường Y đắp đập thủy lợi vào năm 1992, khu vực đất này là hồ chứa nước phục vụ sản xuất cho Công ty Y (đất thủy lợi). Đến tháng 5 năm 2020, sau khi Công ty Y tiến hành san ủi dỡ bỏ bờ đập, cải tạo lòng hồ thì 25 người khởi kiện ra chiếm đất để tổ chức gieo xạ lúa trên diện tích đất hồ này của Công ty.

Từ trước tháng 5/2020 (thời điểm Công ty san ủi dỡ bỏ bờ đập, các hộ dân ra chiếm đất sử dụng trái phép) thực tế Công ty cà phê Y đã quản lý, sử dụng ổn

định diện tích đất hồ C2 tại xã E, huyện K1. Việc UBND tỉnh cho Công ty cà phê Y thuê 1.555,8 ha đất tại Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 925720, BE 925723, BE 925769 cho Công ty cà phê Y là phù hợp với nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất của Công ty cà phê Y và đúng với quy định của pháp luật.

Việc những người dân tự ý chiếm đất thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của Công ty cà phê Y để trồng lúa là vi phạm quy định tại Điều 12 của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Chủ tịch UBND xã E đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hộ dân vi phạm theo quy định.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đại diện Công ty Y trình bày:* Không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện; Đồng ý với quan điểm của người bị kiện, Công ty Y không lấy đất của các hộ dân mà đất này đã được nhà nước giao cho Công ty Y quản lý, khai thác và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2022/HC-ST ngày 13-6-2022 và 13-7-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 55; Điều 78; khoản 2 Điều 158; Điều 187; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 49, 52 Luật đất đai 2003;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện về việc: Hủy một phần quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 925723 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/6/2013 đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 25 diện tích 35.979m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 925769 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/6/2013 đối với thửa đất số 266, tờ bản đồ số 18 diện tích 15.765m².

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Tại Đơn kháng cáo ngày 26-7-2022, có 25 người khởi kiện cùng làm chung một đơn kháng cáo gồm: ông Đinh Văn H, ông Trần Công H1, bà Phạm Thị N, ông Lưu Tuấn G, ông Vũ Tiến D1, ông Hoàng Văn Th1, ông Lê Xuân Th2, ông Tô Văn H2, ông Vũ Đức T2, bà Vũ Thị N2, bà Ngô Thị Q, ông Vũ Khắc T3, ông Tô Văn A1, bà Vũ Thị Th3, bà Vũ Thị H4, bà Vũ Thị G, ông

Vũ Đức Đ1, bà Vũ Thị T4, ông Nguyễn Văn P, ông Phạm Văn Đ2, bà Nguyễn Thị T6, bà Dương Thị H5, ông Nguyễn Duy S1, bà Trần Thị H6, ông Phạm Xuân Nh; Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do có đơn đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ nhưng chưa thu thập, không thực hiện thẩm định hiện trạng, đo đạc để xác định diện tích đất, không bảo đảm quyền cho người khởi kiện tiếp cận hồ sơ, sử dụng chứng cứ giả mạo để xét xử bác đơn khởi kiện, không xem xét hết yêu cầu khởi kiện, không đánh giá toàn bộ các chứng cứ quan trọng do người khởi kiện cung cấp. Những người khởi kiện là người sử dụng đất liên tục hàng năm cấy lúa một vụ và chỉ phải nộp phí thủy lợi.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính. Vụ án hành chính phúc thẩm được thụ lý từ ngày 06-10-2022 đến nay đã qua nhiều lần mở phiên tòa phúc thẩm nhưng bị hoãn. Phiên tòa hôm nay người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Các Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo có đơn xin hoãn phiên tòa, nhưng đây không phải là lần thứ nhất các Luật sư tham gia phiên tòa phúc thẩm và lý do xin hoãn không thuộc trường hợp bất khả kháng hay trở ngại khách quan, nên phiên tòa phải được tiếp tục tiến hành.

Về nội dung: đề nghị bác tất cả các kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của 25 người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và tổ chức các phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của luật Tố tụng hành chính. Hồ sơ vụ án có đầy đủ các Sơ đồ, Bản đồ thể hiện vị trí, ranh giới toàn bộ diện tích đất mà Nông trường Y được giao sử dụng. Vị trí diện tích đất tranh chấp là 6,36ha, loại đất thủy lợi thuộc hồ C2 là 136.830 m² thuộc tờ bản đồ số 16, xã E, huyện K1.

Những người kháng cáo yêu cầu phải có mặt người bị kiện, phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ 5, các đương sự đều được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Các Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo có đơn xin hoãn phiên tòa, nhưng đây không phải là lần thứ

nhất các Luật sư tham gia phiên tòa và lý do xin hoãn phiên tòa lần này không thuộc trường hợp bất khả kháng hay trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính để tiến hành xét xử.

Những người kháng cáo đề nghị hoãn phiên tòa để Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, tuy nhiên các tài liệu chứng cứ cần thiết và liên quan đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập, đủ cơ sở thông tin để xét xử vụ án; nay Tòa án cấp phúc thẩm không xác định được cụ thể chứng cứ nào có cần phải thu thập bổ sung. Trong thời gian thụ lý vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, người kháng cáo có nhiều đơn khiếu nại, đơn đề nghị gửi đến Tòa án cấp phúc thẩm, nhưng các Đơn này đều có chung nội dung phản đối Bản án sơ thẩm và thủ tục tổ tụng của phiên tòa sơ thẩm, thuộc trường hợp bổ sung thông tin cho kháng cáo.

Bản án sơ thẩm ghi số ngày chưa chính xác, trong trường hợp này, số ngày bản án là ngày tuyên án 13-7-2022, nhưng do không ảnh hưởng đến thủ tục tổ tụng và nội dung bản án nên chỉ cần rút kinh nghiệm.

[2] Xem xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất tranh chấp:

Những Người khởi kiện tranh chấp với Công ty Y (Nông trường Y) diện tích đất 6,36ha tại hồ C2, có diện tích 136.830 m² thuộc tờ bản đồ số 16 xã E, huyện K1; được xác định nằm trong tổng diện tích đất mà Nông trường Y được giao năm 1982 và đến năm 2013 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Kháng cáo của những người khởi kiện cho rằng khoảng những năm 1981-1986, 25 Người khởi kiện di cư từ các tỉnh miền Bắc vào làm công nhân tại Đội 2 - Nông trường Y. Sau đó, do đời sống kinh tế khó khăn nên đã tiến hành khai hoang hóa rừng khọc già, đá sỏi không ai quản lý, sử dụng ở vùng lân cận Nông trường Y để tăng gia sản xuất, diện tích khoảng 07ha (6,36ha) tại hồ Đội 2 (hồ C2), xã E, huyện K1. Năm 1992, do hạn hán kéo dài nên Nông trường Y đã đắp đập trên các mảnh đất khai hoang của những người khởi kiện, việc làm này của nông trường không có thỏa thuận cũng như không đền bù cho những người khởi kiện, do thời điểm đó một số người khởi kiện đang là công nhân của nông trường. Năm 1997-1998, nhu cầu trữ nước cho tưới tiêu tăng, nông trường có thỏa thuận với một số hộ dân ở tại thôn 13 đổi khoảng 6ha đất khai hoang của họ giáp khu đất khai hoang của những người khởi kiện để mở rộng khu vực trữ nước, còn khoản 7ha của 25 Người khởi kiện không có thỏa thuận gì, nên vẫn trồng lúa một vụ và thanh toán chi phí thủy lợi.

Những người khởi kiện không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh quyền sử dụng đất đối với khu vực đất tranh chấp. Thực tế 25 Người khởi kiện được Nông trường Y giao khoán cho mỗi người một diện tích đất nằm trong

phần đất đã giao cho Nông trường Y quản lý sử dụng để trồng lúa, nộp khoán sản phẩm hàng năm, khi đó những người này đều tham gia là công nhân nông trường. Việc sử dụng một phần diện tích đất để trồng lúa cũng nằm trong Luận chứng kinh tế kỹ thuật của Nông trường. Đến năm 1992 khi đắp đập thủy lợi thì phần đất này thuộc lòng hồ chứa nước phục vụ cho sản xuất của Công ty Y, được xác định là đất có mục đích thủy lợi; nhưng lượng nước thủy lợi khác nhau theo mùa. Như vậy, nguồn gốc sử dụng đất của 25 người khởi kiện là được Nông trường Y giao khoán để trồng lúa, và diện tích đất này đã được giao cho Nông trường Y từ năm 1982, năm 1998 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, được xác định là Chủ sử dụng đất.

[3] Xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo hồ sơ của Nông trường quốc doanh 719 thì thấy rằng: Tổng diện tích mà nông trường quốc doanh 719 được giao quản lý là 3.730ha, có tứ cận Phía Bắc giáp xã Krông Búk; phía Đông giáp Đoàn 720, 714; Phía Nam giáp Đoàn 718; Phía Tây giáp xã Ea Kuăng đã được thông qua tại Hội đồng xét duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật, Bộ Nông nghiệp ngày 07/7/1982. Năm 1998, Công ty cà phê Y được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số 2840/QĐ-UB ngày 28/11/1998 trong đó, diện tích đất hồ C2 là 136.830 m² thuộc tờ bản đồ số 16, xã E, huyện K1.

Đến năm 2013, sau khi rà soát đất đai (theo Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 15/12/2005 của UBND tỉnh), Công ty Y được UBND tỉnh cho thuê 1.555,8 ha đất tại Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 22/02/2013, trong đó diện tích đất hồ C2 là 14,07 ha, gồm: đất thủy lợi là 6,36 ha; đất lúa là 7,71 ha. Diện tích đất mà 25 người khởi kiện tranh chấp đều đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty cà phê Y vào ngày 26/6/2013 để sử dụng vào mục đích đất thủy lợi (6,36ha). Gồm: Giấy chứng nhận số BE 925720 (thửa đất số 192, tờ bản đồ số 25, diện tích 11.918m²); số BE 925723 (thửa đất số 183, tờ bản đồ số 25, diện tích 35.979m²), số BE 925769 (thửa đất số 266, tờ bản đồ số 18, diện tích 15.765 m²). Như vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Y là phù hợp với nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất của Công ty cà phê Y, đúng theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 49, Điều 52 Luật đất đai 2003.

Phần diện tích đất tranh chấp hiện nay đã có Giấy chứng nhận QSD đất mới vào năm 2013, thay thế Giấy chứng nhận QSD đất được cấp theo Quyết định 2840 ngày 28-11-1998, và Bản án sơ thẩm đã xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 và các Giấy chứng nhận

QSD đất cấp năm 2013 này. Do đó, Bản án sơ thẩm nhận định không xem xét yêu cầu khởi kiện bổ sung đề nghị hủy một phần Quyết định số 2840/QĐ-UB ngày 28/11/1998 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty cà phê Y năm 1998 thuộc phần diện tích đất chồng lấn lên diện tích đất khai hoang của những người khởi kiện theo khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính; nhưng thực chất khi xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất năm 2013 trên diện tích đất tranh chấp, là đã xem xét bao gồm cả tính hợp pháp và có căn cứ khi quyết định cấp Giấy chứng nhận QSD đất năm 1998 theo Quyết định số 2840. Do đó, trong trường hợp này quyền lợi hợp pháp của 25 người khởi kiện không bị ảnh hưởng.

Như vậy, phần diện tích 6,36 ha đất tranh chấp là đất có mục đích thủy lợi, nằm trong diện tích đất hồ C2, nằm trong diện tích đất được UBND tỉnh cho thuê tại Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 22/02/2013. Nhưng trước đó, toàn bộ diện tích đất này nằm trong tổng 3.730ha theo Luận chứng kinh tế kỹ thuật, được xét duyệt ngày 07/7/1982; đồng thời trước năm 1982 chưa có ai sử dụng, chưa có ai đăng ký kê khai. Năm 1998, Công ty cà phê Y được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số 2840/QĐ-UB ngày 28/11/1998 trong đó, diện tích đất hồ C2 là 136.830 m² thuộc tờ bản đồ số 16, xã E, huyện K1. Việc giao đất trên cơ sở Luận chứng kinh tế kỹ thuật là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Đất đai năm 1993. Công ty Y đứng tên là Chủ sử dụng đất có căn cứ của phần đất tranh chấp và quản lý sử dụng liên tục ổn định từ năm 1982 đến nay; qua các thời kỳ đều có thực hiện các thủ tục với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Quyết định và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp.

[4] Từ nhận định trên, xét thấy kháng cáo của 25 Người khởi kiện là không có cơ sở, Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của 25 Người khởi kiện là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của những người kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm những người kháng cáo phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; trừ những trường hợp người kháng cáo là ông Đinh Văn H, ông Trần Công H1, bà Phạm Thị N (người kế thừa quyền nghĩa vụ), ông Lưu Tuấn G, ông Vũ Tiến D1, ông Hoàng Văn Th1, ông Lê Xuân Thụy, ông Tô Văn H2 được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của các ông bà: Đinh Văn H, ông Trần Công H1, bà Phạm Thị N (người kế thừa quyền nghĩa vụ), ông Lưu Tuấn G, ông Vũ Tiến D1, ông Hoàng Văn Th1, ông Lê Xuân Th2, ông Tô Văn H2, ông Vũ Đức T2, bà Vũ Thị N2, bà Ngô Thị Q, ông Vũ Khắc T3, ông Tô Văn A1, bà Vũ Thị Th3, bà Vũ Thị H4, bà Vũ Thị G, ông Vũ Đức Đ1, bà Vũ Thị T4, ông Nguyễn Văn P, ông Phạm Văn Đ2, bà Nguyễn Thị T6, bà Dương Thị H5, ông Nguyễn Duy S1, bà Trần Thị H6, ông Phạm Xuân Nh;

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2022/HC-ST ngày 13 - 6 - 2022 và 13-7-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

- Ông Đinh Văn H, ông Trần Công H1, bà Phạm Thị N (người kế thừa quyền nghĩa vụ), ông Lưu Tuấn G, ông Vũ Tiến D1, ông Hoàng Văn Th1, ông Lê Xuân Thụy, ông Tô Văn H2 được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

- Ông Tô Văn A1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Tô Văn A1 (bà Vũ Thị H4 nộp thay) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0021855 ngày 08-8-2022.

- Bà Vũ Thị Thúy phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Vũ Thị Thúy (bà Vũ Thị H4 nộp thay) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0020594 ngày 08-8-2022.

- Bà Vũ Thị N2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Vũ Thị N2 (bà Vũ Thị H4 nộp thay) đã nộp 300.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0021858 ngày 08-8-2022.

- Bà Dương Thị H5 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Dương Thị H5 (bà Vũ Thị H4 nộp thay) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0020595 ngày 08-8-2022 ;

- Ông Vũ Đức T2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Vũ Đức T2 (bà Vũ Thị H4 nộp thay) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0020599 ngày 08-8-2022.

- Bà Nguyễn Thị T6 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị T6 (bà Vũ Thị H4 nộp thay) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0021858 ngày 08-8-2022.

- Bà Vũ Thị T4 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Vũ Thị T4 (bà Vũ Thị H4 nộp thay) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0020596 ngày 08-8-2022.

- Ông Nguyễn Duy S1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Nguyễn Duy S1 (bà Vũ Thị H4 nộp thay) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0021851 ngày 08-8-2022.

- Bà Trần Thị H6 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Trần Thị H6 (bà Vũ Thị H4 nộp thay) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0021854 ngày 08-8-2022.

- Ông Phạm Văn Đ2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Phạm Văn Đ2 (bà Vũ Thị H4 nộp thay) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0020600 ngày 08-8-2022.

- Ông Vũ Đức Đ1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Vũ Đức Đ1 (bà Vũ Thị H4 nộp thay) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0020597 ngày 08-8-2022.

- Bà Vũ Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Vũ Thị G (bà Vũ Thị H4 nộp thay) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0021853 ngày 08-8-2022.

- Ông Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn P (bà Vũ Thị H4 nộp thay) đã nộp 300.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0021859 ngày 08-8-2022.

- Bà Vũ Thị H4 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng mà bà Vũ Thị H4 đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng số AA/2021/0021860 ngày 08-8-2022.

- Ông Phạm Xuân Nh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Phạm Xuân Nh (bà Vũ Thị H4 nộp thay) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0020598 ngày 08-8-2022.

- Ông Vũ Khắc T3 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Vũ Khắc Tiếp (bà Vũ Thị H4 nộp thay) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0021857 ngày 08-8-2022.

- Bà Ngô Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Ngô Thị Q (bà Vũ Thị H4 nộp thay) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0021852 ngày 08-8-2022.

3. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT III-TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKS nhân dân tỉnh Đắk Lắk
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long